

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Light

ECODEMPO S3S LOW

ECODEMPS3L

Giày an toàn không [illegible] **kim** l n g nhận **ESD** đư ợc **làm** t ừ vật l iệu **tái** ch ế

Giày bảo h ộ ECODEMPO S3S không [illegible] **làm** t ái 85% v à ch ố n g thấm nư ớc **tái** 100% v à, mũi giày bằn g vật l iệu n g h tợp và đế **ngoài** c ủ a đ ôn g t

CO₂ 5.80 kg



BLK

Những vật liệu cao cấp hơn	tái chế, chống thấm nước (85% tái chế) (100% tái chế)
ót bên trong	i tái chế lưới
rong Đ	ệm chân SJ Memory Foam
iữa đế g	ệt chống thủ
ngoài Đ	Philon/cao su
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S3S / SR, FO, HI, HRO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng t thép	0.530 kg
ẩn hiệu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024





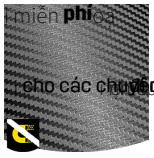
Phần **trên thoáng khí** Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ cơ thể **mát** hơn và **khô** lâu hơn.



X ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa tia lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



hấp thụ **gót chân** Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân mang. ười chạy hoặc chạy lên cơ thể ng



miễn **phí** Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên [illegible] giày.

Kim l



Mũi giày an toàn composite Không [illegible] kim và nhẹ hơn [illegible] nhiệt hoặc dẫn điện



& nhiên u [illegible] dầu é ngoài có h khả năng và nhiên liệu.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , lĩnh vự c **ô tô, Ngành công** n g**hiệ**n**p** , hậ

ường: **Môi** t
ru ờn**g** **môi khô,** Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ**giày, chúng tôi khuyên** bạn **nên** v ệ **sinh giày** thư ờn g **xuyên và** bảo v ệ **chúng** bằm**phẳ**n**cá**n**phủ** hầ**n**h**iệ**n**Không**n**trên** l ờ

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l **tái** ệu **tái** ch Về ả, ch ố n g thấm nư ớc **(85% tái** t **tái** ế), Về **(100% tái** ch ế) **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ấm ớ	? 0.8		210.9	iờ	mg/cm/g
	Top: h ệ số ớ	? 15		169		mg/cm2
ót bên trong	i **tái** th ướ ớ					
	L ớp **lót:** ấm ớ	? 2		50.38	iờ	mg/cm/g
	lót: h ệ số ớ	? 20		403		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ Memory Foam**						
	ệ m chân Đ ố n g mài mòn (khô/ ớt) (chu kỳ)	25600/12800		Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles		chu kỳ
goài Đ	**Phlon/cao su**					
	Ch ỉ số ma sát tĩnh ế ngoài (	? 150		119.4		mm
	Chư ớt trơ ản - **Ceramic + NaLS -** Trư ớt **gót,** ướ phía t	? 0.31		0.43		ma sát
	ru Cột ướt ản - G ố m + **NaLS -** Trư ớt **lùi,** ướ phía t	? 0.36		0.44		ma sát
	ru Cột **SR -** G ố m + **Glycerin -** Trư ớt **gót,** phía t	? 0.19		0.36		ma sát
	Chư ớt trơ **SR -** G ố m + **Glycerin -** Trư ớt ướ phía t	? 0.22		0.33		ma sát
	ị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000		650		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		22		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót chân** ủ	? 20		25		J
Đ ướ n g đầ	**Nanocarbon**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		17.5		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		24.0		mm

kích thước thép: 42

a chú Giày bảo hộ có th ể thay thế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh ọc **thái:**

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO#** hát thả					
	V ật l iệu		3.52		kg
	Bao bì		0.12		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			5.80 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ ỷ **tái** ch ế				
	Product		19%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị đ **Các** giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán trực tuyến và có thể thay đổi.